SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
**BỆNH VIỆN PHỤ SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

*Hải Phòng, ngày 25 tháng 11 năm 2024*

# YÊU CẦU BÁO GIÁ (SỐ TM 1125.2 )

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Phụ Sản có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu dự kiến: Mua sắm Hóa chất xét nghiệm của Bệnh viện Phụ Sản năm 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

## I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng
2. Cách thức tiếp nhận báo giá:
   Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận nghiệp vụ Dược- Khoa Dược- Bệnh viện Phụ Sản (Số 19 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng)
   Địa chỉ email: tmsduoc.bvps24@gmail.com
3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 25 tháng 11 năm 2024 đến trước 17h ngày 09 tháng 12 năm 2024
   *(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)*
4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: (Phụ lục hàng hóa đính kèm)
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại bảng sau:

| | |
|---|---|
| Yêu cầu về địa điểm cung cấp | - Khoa Dược – Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.<br>- Địa chỉ: Số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng |

| | |
|---|---|
| Yêu cầu vận chuyển | - Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng |

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Yêu cầu về báo giá: Nhà thầu gửi Yêu cầu báo giá (01 bản) đầy đủ các thông tin hàng hóa.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

GIÁM ĐỐC
PGS.TS.BS Vũ Văn Tâm

***Nơi nhận:***
- Nơi kính gửi;

# PHỤ LỤC

| STT | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Thông tin hàng hóa |
|---|---|---|---|---|
| 1 | HbA1c TQ haemolyzing rgt, cobas c (A1CD2) | Hộp | 5 | Thuốc thử ly huyết được sử dụng như chất pha loãng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c<br>Thành phần: TTAB: 36 g/L, đệm phosphate |
| 2 | IRON Gen.2, 200 Tests, cobas c, Integra | Hộp | 8 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng sắt trong huyết thanh, huyết tương người<br>Thành phần: Acid citric: 200 mmol/L; thiourea: 115 mmol/L |
| 3 | NaOH-D, cobas c | Hộp | 25 | Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cóng phản ứng<br>Thành phần: NaOH 1 mol/L, chất tẩy |
| 4 | TP Gen.2, 300 Tests, cobas c, Integra | Hộp | 4 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người<br>Thành phần: Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L; kali iodide: 61 mmol/L; đồng sulfate: 24.3 mmol/L |
| 5 | UREAL, 500 Tests, cobas c, Integra | Hộp | 7 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea/urea nitrogen trong huyết thanh,huyết tương và nước tiểu người<br>Thành phần: Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L;NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): ≥ 300 µkat/L |
| 6 | UA Gen.2, 400 Tests, cobas c, Integra | Hộp | 4 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người<br>Thành phần: Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí dài) ≥ 83.5 µkat/L (25 °C) |
| 7 | BIL-T Gen.3, 250 Tests cobas c | Hộp | 3 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần<br>Thành phần: Phosphate, Muối 3,5-dichlorophenyl diazonium: ≥ 1.35 mmol/L |
| 8 | CREJ Gen.2, 700 Tests, cobas c, Integra | Hộp | 5 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh,huyết tương và nước tiểu người<br>Thành phần: Kali hydroxide: 900 mmol/L; phosphate: 135 mmol/L. Acid picric: 38 mmol/L. |